

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 4
NGÀY LẤY MẪU 21 THÁNG 3 NĂM 2023
NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH 28 THÁNG 3 NĂM 2023

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước đợt 4, lấy mẫu ngày 21/3/2023, nội dung gồm: Kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI, cùng với những khuyến cáo về chất nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 4

1. **Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong Hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
2. **Ngày quan trắc:** 21/03/2023
3. **Ngày cung cấp thông tin:** 28/03/2023
4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 điểm
5. **Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
6. **Người cung cấp thông tin:** ThS. Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ
7. **Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng.

I/ KẾT QUẢ QUAN TRẮC CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI (ĐỢT 4)

Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng nước trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải và chỉ số chất lượng nước WQI (đợt 4)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH (-)	DO (mg/l)	TSS (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	COD (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Pb (mg/l)	Cd (mg/l)	WQI
1	BHH1	C. Xuân Quan	23,3	7,61	4,2	8,05	3,4	8,5	0,28	0,02	<0,01	910	0,00205	0,00081	94
2	BHH2	C. Xuân Thụy	24,2	7,61	1,2	28,98	41,1	107,2	38,08	<0,01	3,96	1.600.000	0,00489	0,00423	19
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	23,9	7,61	2,6	16,64	18,2	49,5	4,03	0,01	0,24	81.000	0,00503	0,00145	28
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	23,8	7,66	2,9	14,83	20,5	50,8	12,66	<0,01	0,78	110.000	0,00399	0,00283	25
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	24,1	7,85	1,1	17,76	45,3	118,5	29,96	<0,01	1,88	1.600.000	0,00319	0,00073	20
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	24,0	7,67	3,6	14,76	20,5	50,8	3,81	0,17	0,42	13.000	0,00416	0,00092	20
7	BHH7	Cống Phần Hà	24,2	7,60	2,1	32,68	23,9	62,1	5,04	0,03	0,7	31.000	0,00571	0,00125	23
8	BHH8	Cống Bá Thủy	23,4	7,63	5,2	22,64	4,5	12,7	1,46	0,06	0,02	7.900	0,00217	0,00170	56
9	BHH9	Cống Bình Lâu	24,7	7,65	1,2	17,66	48,6	129,7	21,84	<0,01	1,78	920.000	0,00308	0,00146	20
10	BHH10	Cống Cầu Cát	23,7	7,63	5,2	16,64	6,2	18,6	0,67	0,05	0,02	100.000	0,00246	0,00105	38
11	BHH11	Cống An Thổ	23,3	7,62	5,6	26,39	5,5	14,1	0,45	0,08	0,02	4.900	0,00318	0,00082	70
12	BHH12	Cống Cầu Xe	24,8	7,62	5,4	17,98	5,6	14,7	0,45	0,05	<0,01	920.000	0,00293	0,00056	40
13	BHH13	Cống Lực Điền	23,8	7,61	2,3	16,38	11,8	31,6	9,97	<0,01	0,36	23.000	0,00216	0,00135	29

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH (-)	DO (mg/l)	TSS (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	COD (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Pb (mg/l)	Cd (mg/l)	WQI
14	BHH14	Cống Bàng Ngang	24,8	7,62	3,6	15,4	12,5	33,8	1,18	0,11	0,02	6.300	0,00149	0,00148	51
15	BHH15	Cống Neo	24,4	7,63	5,2	14,83	5,6	14,5	0,34	0,13	<0,01	1.200	0,00213	0,00089	77
QCVN08-MT:2015/BTNMT A1			-	6,0-8,0	≥6	20	4	10	0,3	0,05	0,1	2.500	0,02	0,005	-
QCVN08-MT:2015/BTNMT B1			-	5,5-9,0	≥4	50	15	30	0,9	0,05	0,3	7.500	0,05	0,01	-

Ghi chú: WQI tính theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường; áp dụng đối với trường hợp thủy vực cần chú ý đến vấn đề ô nhiễm hữu cơ (nhóm V)

II. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CCTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC VN_WQI (ĐỢT 4)

Bảng 2. Đánh giá CLN theo chỉ số chất lượng nước VN_WQI (đợt 4)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	VN_WQI	Đánh giá chất lượng nước	Màu thể hiện	Khuyến cáo sử dụng
1	BHH1	Cống Xuân Quan	94	Rất tốt	Xanh nước biển	- Sử dụng tốt cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN và NTTS; - Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần được xử lý bằng các biện pháp phù hợp.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	19	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	28	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	25	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	20	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	20	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	VN_WQI	Đánh giá chất lượng nước	Màu thể hiện	Khuyến cáo sử dụng
7	BHH7	Cống Phần Hà	23	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	56	Trung bình	Vàng	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN; - Có thể sử dụng cho NTTS nhưng cần phải được xử lý bằng các ao lắng, ao sinh học thả bèo trước khi cấp nước vào các ao NTTS.
9	BHH9	Cống Bình Lâu	20	Kém	Đỏ	- Không nên sử dụng cho SXNN, cấp nước sinh hoạt và NTTS; - Cần phải có biện pháp xử lý trong tương lai.
10	BHH10	Cống Cầu Cát	38	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
11	BHH11	Cống An Thổ	70	Trung bình	Vàng	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN; - Có thể sử dụng cho NTTS nhưng cần phải được xử lý bằng các ao lắng, ao sinh học thả bèo trước khi cấp nước vào các ao NTTS.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	40	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
13	BHH13	Cống Lực Điền	29	Xấu	Da cam	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN; - Không nên sử dụng cho cấp nước sinh hoạt và NTTS.
14	BHH14	Cầu Bằng Ngang	51	Trung bình	Vàng	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN; - Có thể sử dụng cho NTTS nhưng cần phải được xử lý bằng các ao lắng, ao sinh học thả bèo trước khi cấp nước vào các ao NTTS.
15	BHH15	Cống Neo	77	Tốt	Xanh lá cây	- Sử dụng được cho mục đích tưới, tiêu phục vụ SXNN và NTTS; - Sử dụng được cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần được xử lý bằng các biện pháp phù hợp.

Ghi chú: Đánh giá theo quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường.

III. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH (ĐỢT 4)

Bảng 3. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải tại các vị trí quan trắc theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh (đợt 4)

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	BHH1	Cổng Xuân Quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy 	1 chỉ tiêu: + DO dưới 1,43 lần;	0 chỉ tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN nhẹ đối với NTTS; không bị ô nhiễm đối với SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống và cấp nước phục vụ SXNN. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần tăng cường thêm ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy (tưới tiêu kết hợp)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm. 	7 chỉ tiêu: + DO dưới 5,00 lần; + TSS: 1,45 lần; + BOD ₅ : 10,28 lần; + COD: 10,72 lần; + NH ₄ ⁺ : 126,93 lần; + PO ₄ ³⁻ : 39,60 lần; + Coliform: 640,00 lần.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 3,33 lần; + BOD ₅ : 2,74 lần; + COD: 3,57 lần; + NH ₄ ⁺ : 42,31 lần; + PO ₄ ³⁻ : 13,20 lần; + Coliform: 213,33 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Không nên sử dụng nước cho SXNN, NTTS. - Không mở cống Xuân Thụy xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh (tưới tiêu kết hợp):	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, 	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,31 lần; + BOD ₅ : 4,55 lần; + COD: 4,95 lần; + NH ₄ ⁺ : 13,43 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,40 lần; + Coliform: 32,40 lần.	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,54 lần; + BOD ₅ : 1,21 lần; + COD: 1,65 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,48 lần; + Coliform: 10,80 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá; - Không nên sử dụng cho NTTS. - Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh. Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua trạm bơm Phú Mỹ và các cống dưới đê

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			Như Quỳnh B và Tân Quang			
4	BHH4	Cống Kênh Cầu (trước tiêu kết hợp):	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đĩnh Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo 	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,07 lần; + BOD ₅ : 5,13 lần; + COD: 5,08 lần; + NH ₄ ⁺ : 42,20 lần; + PO ₄ ³⁻ : 7,80 lần; + Coliform: 44,00 lần.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,38 lần; + BOD ₅ : 1,37 lần; + COD: 1,69 lần; + NH ₄ ⁺ : 14,07 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,60 lần; + Coliform: 14,67 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Hạn chế lấy nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá. - Không sử dụng cho NTTS. - Tăng cường lấy nước qua Xuân Quan và gạn tháo để thay nước.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà (cống tiêu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đĩnh Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	6 chỉ tiêu: + DO dưới 5,45 lần; + BOD ₅ : 11,33 lần; + COD: 11,85 lần; + NH ₄ ⁺ : 99,87 lần; + PO ₄ ³⁻ : 18,80 lần; + Coliform: 640,00 lần.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 3,64 lần; + BOD ₅ : 3,02 lần; + COD: 3,95 lần; + NH ₄ ⁺ : 33,29 lần; + PO ₄ ³⁻ : 6,27 lần; + Coliform: 213,33 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Hạn chế lấy nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng giảm lượng phân bón và không tưới cho rau màu ăn lá. - Không sử dụng cho NTTS. - Không nên mở cống Ngọc Đà xả ra sông Đĩnh Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm (trước tiêu kết hợp)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,67 lần; + BOD ₅ : 5,13 lần; + COD: 5,08 lần; + NH ₄ ⁺ : 12,70 lần; + NO ₂ ⁻ : 3,40 lần; + PO ₄ ³⁻ : 4,20 lần; + Coliform: 5,20 lần.	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,11 lần; + BOD ₅ : 1,37 lần; + COD: 1,69 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,23 lần; + NO ₂ ⁻ : 3,40 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,40 lần; + Coliform: 1,73 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với NTTS; ÔN nhẹ đối với SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng nên giảm lượng phân bón. - Không sử dụng nước cho NTTS.

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
7	BHH7	Cống Phân Hà (tưới tiêu kết hợp)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Núi, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	7 chỉ tiêu: + DO dưới 2,86 lần; + TSS: 1,63 lần; + BOD ₅ : 5,98 lần; + COD: 6,21 lần; + NH ₄ ⁺ : 16,80 lần; + PO ₄ ³⁻ : 7,00 lần; + Coliform: 12,40 lần.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,90 lần; + BOD ₅ : 1,59 lần; + COD: 2,07 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,60 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,33 lần; + Coliform: 4,13 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với NTTS; ÔN nghiêm trọng đối với SXNN. - Có thể lấy nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng nên giảm lượng phân bón. - Không sử dụng nước cho NTTS. - Không mở cống Phân Hà xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.
8	BHH8	Cống Bá Thủy (tưới tiêu kết hợp)	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,15 lần; + TSS: 1,13 lần; + BOD ₅ : 1,13 lần; + COD: 1,27 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,87 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,20 lần; + Coliform: 3,16 lần.	3 chỉ tiêu: + NH ₄ ⁺ : 1,62 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,20 lần; + Coliform: 1,05 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ô nhiễm nhẹ đối với cả SXNN và NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước và cấp nước phục vụ SXNN. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
9	BHH9	Cống Bình Lâu (cống tiêu)	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	6 chỉ tiêu: + DO dưới 5,00 lần; + BOD ₅ : 12,15 lần; + COD: 12,97 lần; + NH ₄ ⁺ : 72,80 lần; + PO ₄ ³⁻ : 17,80 lần; + Coliform: 368,00 lần.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 3,33 lần; + BOD ₅ : 3,24 lần; + COD: 4,32 lần; + NH ₄ ⁺ : 24,27 lần; + PO ₄ ³⁻ : 5,93 lần; + Coliform: 122,67 lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với SXNN và NTTS. - Không sử dụng nước cho SXNN và NTTS. - Không mở cống Bình Lâu xả ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.
10	BHH10	Cống	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim 	5 chỉ tiêu:	1 chỉ tiêu:	<ul style="list-style-type: none"> - Nước bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm

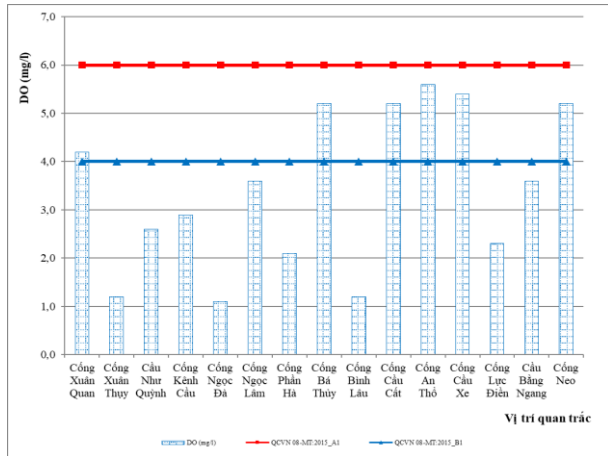
TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Mục đích giám sát	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1	Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
		Cầu Cát (tưới tiêu kết hợp)	Sơ cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	+ DO dưới 1,15 lần; + BOD ₅ : 1,55 lần; + COD: 1,86 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,23 lần; + Coliform: 40,00 lần.	+ Coliform: 13,33 lần.	trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN, nhưng không sử dụng tưới cho rau màu ăn lá. - Không sử dụng nước cho NTTS.
	BHH11	Cống An Thổ (tưới tiêu kết hợp)	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,07 lần; + TSS: 1,32 lần; + BOD ₅ : 1,38 lần; + COD: 1,41 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,50 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,60 lần; + Coliform: 1,96 lần.	1 chỉ tiêu: + NO ₂ ⁻ : 1,60 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với cả SXNN và NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước ngược vào hệ thống và cấp nước phục vụ SXNN. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường thêm ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
	BHH12	Cống Cầu Xe (tưới tiêu kết hợp)	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,11 lần; + BOD ₅ : 1,40 lần; + COD: 1,47 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,50 lần; + Coliform: 368,00 lần.	1 chỉ tiêu: + Coliform: 122,67 lần.	- Nước bị ÔN đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Lấy được nước phục vụ SXNN, nhưng không sử dụng nước tưới cho rau màu ăn lá. - Không sử dụng nước cho NTTS.
13	BHH13	Cống Lực Điền (tưới tiêu kết hợp)	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,61 lần; + BOD ₅ : 2,95 lần; + COD: 3,16 lần; + NH₄⁺: 33,23 lần; + PO ₄ ³⁻ : 3,60 lần; + Coliform: 9,20 lần.	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,74 lần; + COD: 1,05 lần; + NH₄⁺: 11,08 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,20 lần; + Coliform: 3,07 lần.	- Nước bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng đối với cả SXNN và NTTS. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng giảm lượng phân bón. - Không sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước qua Xuân Quan và gạn tháo để thay nước

<i>TT</i>	<i>KH mẫu</i>	<i>Hệ thống/ trạm đo</i>	<i>Mục đích giám sát</i>	<i>Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột A1</i>	<i>Số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1</i>	<i>Khuyến cáo</i>
14	BHH14	Cầu Bằng Ngang (tươi tiêu kết hợp)	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,67 lần; + BOD ₅ : 3,13 lần; + COD: 3,38 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,93 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,20 lần; + Coliform: 2,52 lần.	4 chỉ tiêu: + DO dưới 1,11 lần; + COD: 1,13 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,31 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,20 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ đối với cả SXNN và NTTS. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. Khi sử dụng giảm lượng phân bón. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường thêm ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi
15	BHH15	Công Neo (tươi tiêu kết hợp)	- Kiểm tra nước sông Cừ An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,15 lần; + BOD ₅ : 1,40 lần; + COD: 1,45 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,13 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,60 lần;	1 chỉ tiêu: + NO ₂ ⁻ : 2,60 lần;	- Nước bị ô nhiễm nhẹ đối với cả SXNN và NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước và cấp nước phục vụ SXNN. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường thêm ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi

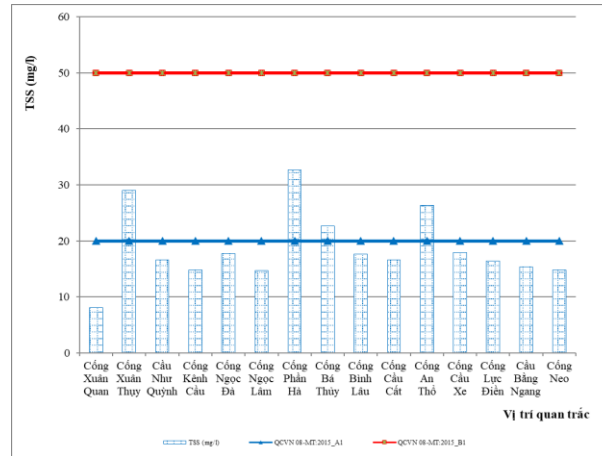
Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

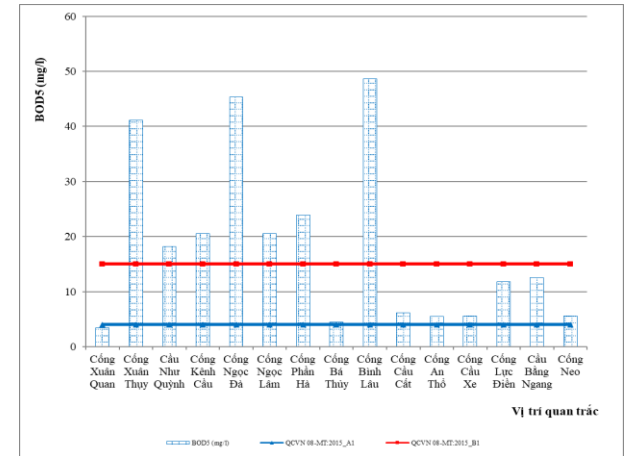
Diễn biến chất lượng nước trong hệ thống theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và WQI đợt quan trắc ngày 21/3/2023 được thể hiện tại các **hình 2.1 – 2.9**



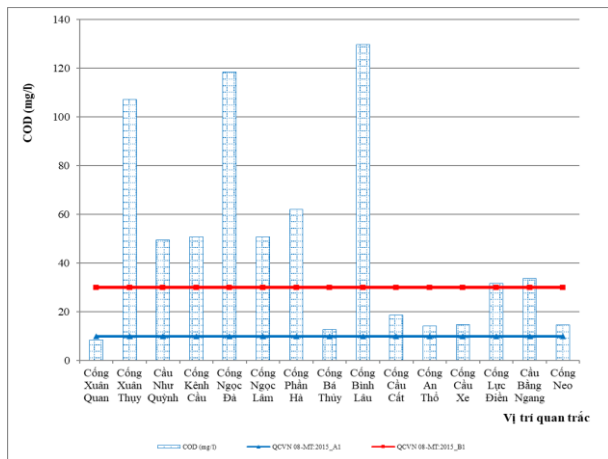
Hình 2.1. Diễn biến hàm lượng DO đợt quan trắc ngày 21/3/2023



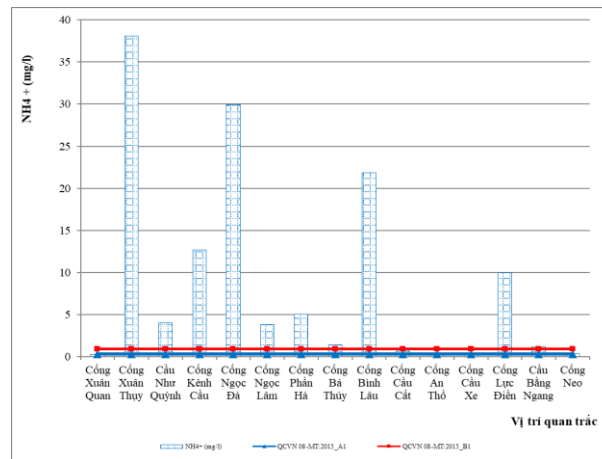
Hình 2.2. Diễn biến hàm lượng TSS đợt quan trắc ngày 21/3/2023



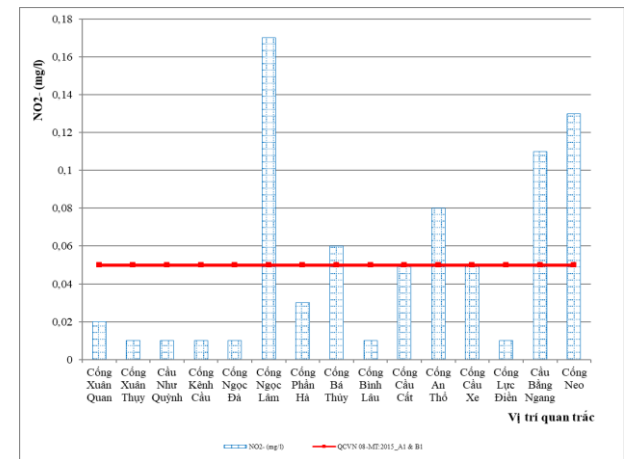
Hình 2.3. Diễn biến hàm lượng BOD₅ đợt quan trắc ngày 21/3/2023



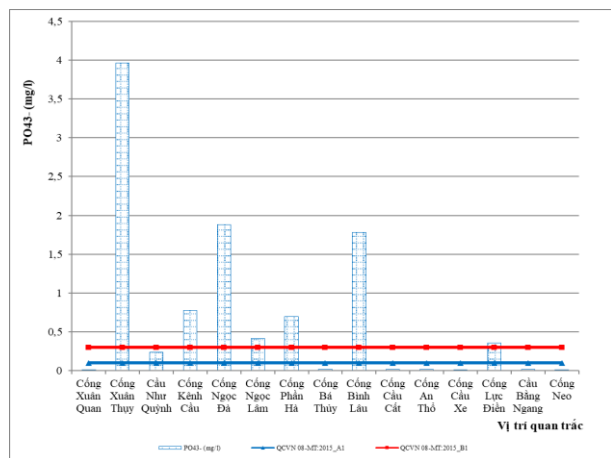
Hình 2.4. Diễn biến hàm lượng COD đợt quan trắc ngày 21/3/2023



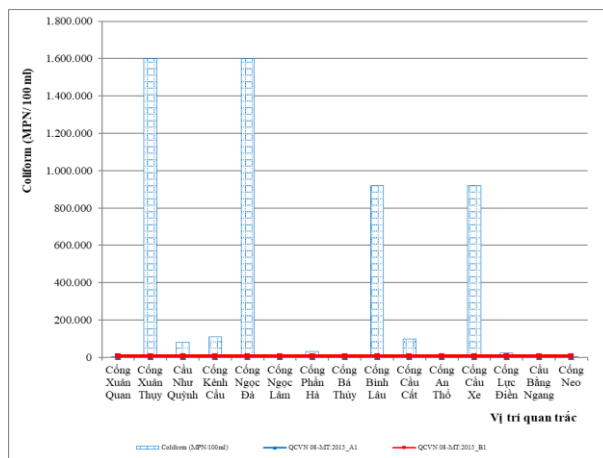
Hình 2.5. Diễn biến hàm lượng NH₄⁺ đợt quan trắc ngày 21/3/2023



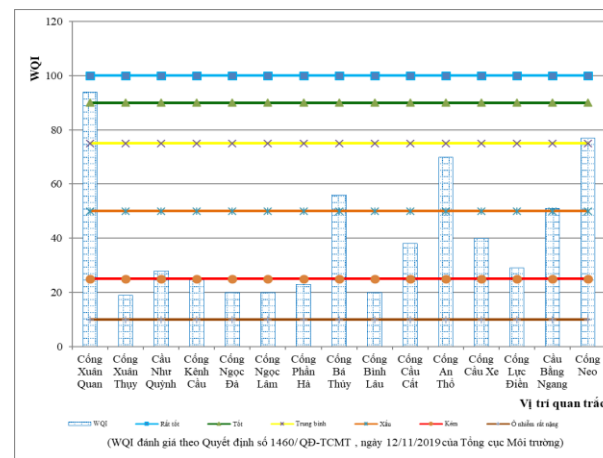
Hình 2.6. Diễn biến hàm lượng NO₂⁻ đợt quan trắc ngày 21/3/2023



Hình 2.7. Diễn biến hàm lượng PO_4^{3-} đợt quan trắc ngày 21/3/2023



Hình 2.8. Diễn biến hàm lượng Coliform đợt quan trắc ngày 21/3/2023



Hình 2.9. Diễn biến chỉ số WQI đợt quan trắc ngày 21/3/2023

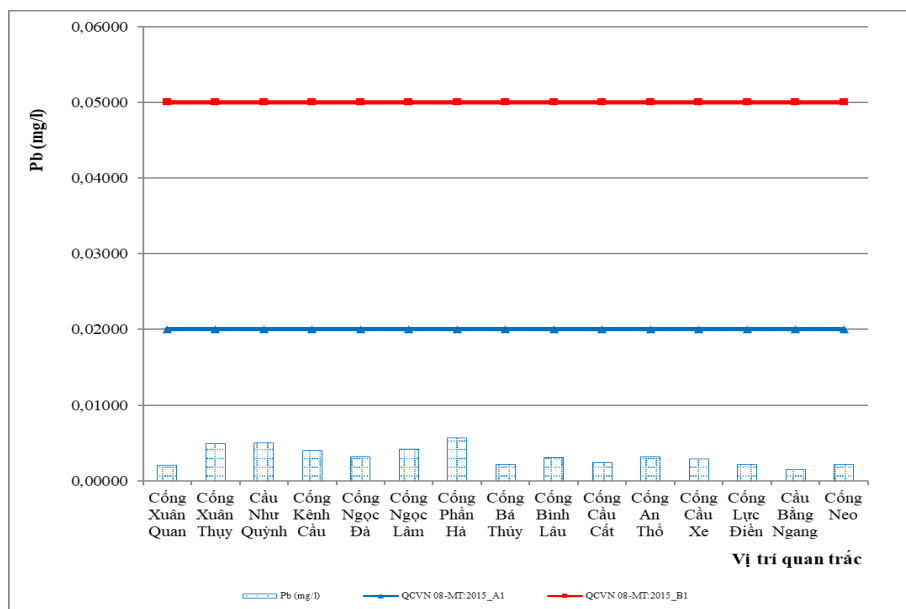
IV. ĐÁNH GIÁ CLN TRONG HỆ THỐNG CTTL BẮC HƯNG HẢI THEO CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG (ĐỢT 4)

Bảng 4. Đánh giá CLN trong hệ thống CTTL Bắc Hưng Hải tại các vị trí quan trắc theo các hàm lượng kim loại nặng (đợt 4)

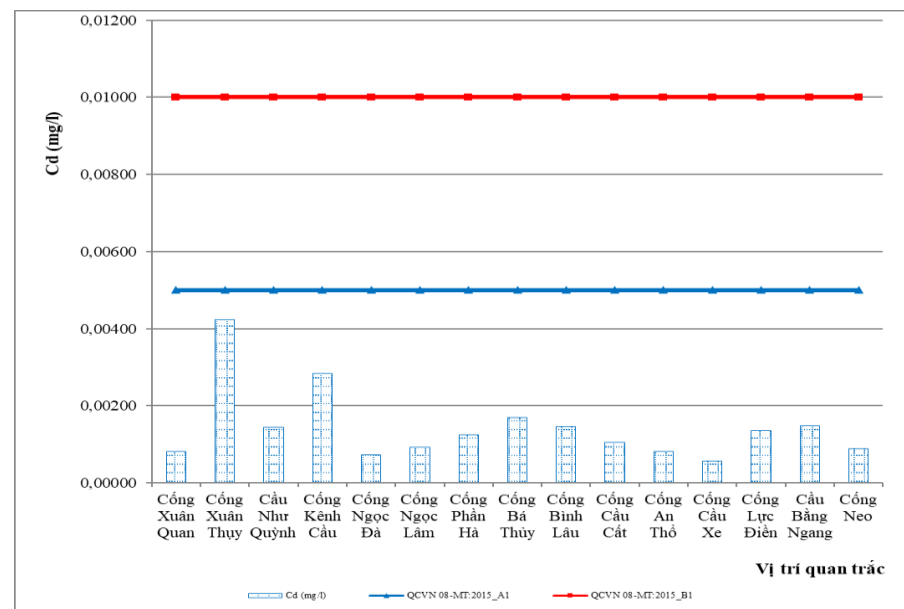
TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN		Đánh giá	
			Pb (mg/l)	Cd (mg/l)	QCVN 08:2015 cột A1	QCVN 08:2015 cột B1
1	BHH1	Cống Xuân Quan: Nước sông Hồng cấp nguồn cho hệ thống	0,00205	0,00081	Đạt TCCP	Đạt TCCP
2	BHH2	Cống Xuân Thủy (tươi tiêu kết hợp)	0,00489	0,00423	Đạt TCCP	Đạt TCCP
3	BHH4	Cầu Như Quỳnh (tươi tiêu kết hợp)	0,00503	0,00145	Đạt TCCP	Đạt TCCP
4	BHH5	Cống Kênh Cầu (tươi tiêu kết hợp)	0,00399	0,00283	Đạt TCCP	Đạt TCCP
5	BHH62	Cống Ngọc Đà (cống tiêu)	0,00319	0,00073	Đạt TCCP	Đạt TCCP
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm (Tươi tiêu kết hợp)	0,00416	0,00092	Đạt TCCP	Đạt TCCP
7	BHH7	Cống Phần Hà (tươi tiêu kết hợp)	0,00571	0,00125	Đạt TCCP	Đạt TCCP
8	BHH8	Cống Bá Thủy (tươi tiêu kết hợp)	0,00217	0,00170	Đạt TCCP	Đạt TCCP
9	BHH9	Cống Bình Lâu (cống tiêu)	0,00308	0,00146	Đạt TCCP	Đạt TCCP
10	BHH10	Cống Cầu Cát (tươi tiêu kết hợp)	0,00246	0,00105	Đạt TCCP	Đạt TCCP

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN		Đánh giá	
			Pb (mg/l)	Cd (mg/l)	QCVN 08:2015 cột A1	QCVN 08:2015 cột B1
11	BHH11	Cống An Thổ (tưới tiêu kết hợp)	0,00318	0,00082	Đạt TCCP	Đạt TCCP
12	BHH12	Cống Cầu Xe (tưới tiêu kết hợp):	0,00293	0,00056	Đạt TCCP	Đạt TCCP
13	BHH13	Cống Lực Điền (tưới tiêu kết hợp)	0,00216	0,00135	Đạt TCCP	Đạt TCCP
14	BHH14	Cống Bằng Ngang (tưới tiêu kết hợp)	0,00149	0,00148	Đạt TCCP	Đạt TCCP
15	BHH15	Cống Neo (tưới tiêu kết hợp)	0,00213	0,00089	Đạt TCCP	Đạt TCCP
QCVN08-MT:2015/BTNMT A1			0,02	0,005	-	-
QCVN08-MT:2015/BTNMT B1			0,05	0,01	-	-

Diễn biến chất lượng nước trong hệ thống theo các chỉ tiêu kim loại nặng Pb và Cd đợt quan trắc ngày 21/3/2023 được thể hiện tại các hình 2.10 – 2.11



Hình 2.10. Diễn biến hàm lượng Pb đợt quan trắc ngày 21/3/2023



Hình 2.11. Diễn biến hàm lượng Cd đợt quan trắc ngày 21/3/2023